

Số: 91/2026/QĐST - DS

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16/4/2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 126/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lâm Lý Phương N**, sinh năm: 1989; Địa chỉ: **Thôn A, xã B, tỉnh Gia Lai**;

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông **Lê Văn K**, sinh năm: 1969; Địa chỉ: **Số A L, phường B, tỉnh Gia Lai (Công ty L-Chi nhánh B1)**;

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1986; Địa chỉ: **N, xã K, tỉnh Lâm Đồng**;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Lâm Lý Phương B**, sinh năm: 1991; Địa chỉ: **Thôn A, xã B, tỉnh Gia Lai**;

- Ông **Nguyễn Hữu T1**, sinh năm: 1972; Địa chỉ: **Thôn D, xã D, tỉnh Lâm Đồng**.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà **Nguyễn Thị T** giao các tài sản sau cho ông **Lâm Lý Phương N** và ông **Lâm Lý Phương B**: diện tích đất 1.802m thuộc 1/153 tờ bản đồ số 12 **xã K** (phần diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thuộc quy hoạch cụm công nghiệp **xã K**, tài sản trên thửa đất này gồm có 01 căn nhà tạm, nhà lưới, hệ thống bép tưới xoay phục vụ sản xuất nông nghiệp); Diện tích đất 55m thuộc thửa đất 261 tờ bản đồ số 09 **xã K, huyện Đ** (theo giấy CNQSD đất số AD 235704 cấp ngày 18/7/2005 tên người sử dụng đất **Đinh Văn T2** điều chỉnh trang IV đã chuyển nhượng cho ông **Lâm Quang H**). Toàn bộ giá trị di sản thừa kế (02 thửa đất trên) đã thống nhất là 1.330.000.000 đồng. Ông **Lâm Lý Phương N** và ông **Lâm Lý Phương B** có nghĩa vụ thanh toán cho bà **Nguyễn Thị T** số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Việc điều chỉnh thửa 260, 261 tờ bản đồ số 09 **xã K, huyện Đ** cũ các bên tự thỏa thuận điều chỉnh, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Về chi phí tố tụng: Toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ định giá nguyên đơn nhận chịu đã quyết toán xong.

Về án phí: Ông **Lâm Lý Phương N** phải chịu 8.300.000 đồng, được trừ vào số tiền ông **N** đã tạm nộp 12.000.000 đồng theo biên lai thu số 0009027 ngày 24/10/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đơn Dương cũ, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí còn thừa cho ông **N** 3.700.000 đồng.

Ông **Lâm Lý Phương B** phải chịu 8.300.000 đồng, được trừ vào số tiền ông **B** đã tạm nộp 8.313.000 đồng theo biên lai thu số 0002930 ngày 24/3/2025 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đơn Dương cũ, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí còn thừa cho ông **B** 13.000 đồng.

Bà **Nguyễn Thị T** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 14.000.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà **T** đã nộp 8.313.000 đồng theo biên lai số 0002900 ngày 06/3/2025 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đơn Dương cũ. Bà **T** còn phải nộp 5.687.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 2 – Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- THADS Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.



THẨM PHÁN

Võ Thị Minh Nhựt